

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 33/2003/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 3 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2001-2010 (điều chỉnh)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 3196/TT.UBT ngày 05 tháng 8 năm 2002 và số 5720/TT.UBT ngày 27 tháng 12 năm 2002;

Đề nghị của Bộ trưởng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 613 BKH/VPTĐ ngày 28 tháng 01 năm 2003.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2001-2010 (điều chỉnh) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu:

- Phấn đấu nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân (thời kỳ 2001 - 2010) đạt từ 11-12%/năm. Nâng mức thu nhập bình quân gần 400 USD/người năm 2000 đến năm 2010 đạt khoảng 1.100 - 1300USD/người năm (gấp 2,5 - 2,7 lần so với năm 2000).
- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế để đến năm 2010, hình thành cơ cấu kinh tế Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp với tỷ lệ tương ứng trong GDP là 56% - 33% - 11%, (tỷ trọng nông nghiệp trong GDP năm 1990 là 50%, năm 2000 là 23% và đến năm 2010 dự kiến còn 11%). Tỷ lệ đô thị hoá được nâng cao từ 26% năm 1990 lên 31% năm 2000 và dự kiến đạt 45 - 50% vào năm 2010.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 20%/năm, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu từ mức 3 tỷ USD năm 2000 tăng lên 12-13 tỷ USD vào năm 2010 .

- Bảo đảm phát triển bền vững, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, bảo vệ môi trường. Đến năm 2010, hoàn thành phổ cập trung học phổ thông, thu hút 100% trẻ đến tuổi vào lớp 1; nâng tỷ lệ số hộ sử dụng nước sạch và sử dụng điện đạt trên 95% so với số hộ toàn Tỉnh.

2. Những quan điểm phát triển cơ bản:

- Phát huy đồng bộ sức mạnh tổng hợp của Tỉnh, của Trung ương, của cả nước và của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Khai thác nội lực, các thế mạnh của Tỉnh là nhân tố quyết định; nguồn lực bên ngoài là quan trọng.

- Phát triển kinh tế- xã hội của Tỉnh phải được thực hiện trong mối quan hệ hữu cơ với sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, gắn kết với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận để tạo ra sự phân công hợp tác chặt chẽ trong một cơ cấu thống nhất.

- Kết hợp hài hoà các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng; phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất, kết hợp giải quyết các vấn đề cấp bách trước mắt với thực hiện các mục tiêu cơ bản lâu dài. Xác định đúng trọng tâm các khâu, các ngành kinh tế có tính chất đột phá; xác định đúng các ngành ưu tiên phát triển trong từng giai đoạn và có những giải pháp đồng bộ, hiệu quả.

3. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu:

a) Công nghiệp, xây dựng:

- Tiếp tục phát triển công nghiệp và xây dựng với tốc độ cao, mức tăng trưởng công nghiệp bình quân thời kỳ 2001 - 2005 là 15,7%/năm về giá trị sản xuất và 13,5%/năm về giá trị gia tăng; thời kỳ 2006 - 2010 là 15%/năm về giá trị sản xuất và 13%/năm về giá trị gia tăng.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp sử dụng nguyên liệu tại chỗ, công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Ngoài các ngành, sản phẩm hiện có đang sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cần chú trọng phát triển công nghiệp kỹ thuật cao, gắn kết với sự phát triển của các ngành công nghiệp trong vùng

như chế tạo máy, sản xuất hóa chất, công nghệ phần mềm, cơ khí, công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Thực hiện liên kết phát triển với Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh. Từng bước nâng cao hàm lượng khoa học, công nghệ trong mỗi sản phẩm, tăng cường khả năng cạnh tranh, thích ứng với những đòi hỏi của giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế.

- Điều chỉnh để hình thành 17 khu công nghiệp với quy mô thích hợp hơn với tổng diện tích là 7.686ha. Riêng giai đoạn 2001 - 2005, tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào các khu công nghiệp đã được Chính phủ phê duyệt quy hoạch, tạo môi trường thuận lợi để thu hút mạnh hơn các dự án đầu tư, cố gắng lấp đầy diện tích dùng để cho thuê. Đặc biệt, tập trung sức phát triển nhanh Khu công nghiệp và đô thị mới Nhơn Trạch, gắn với sự phát triển có điều chỉnh mới của thành phố Hồ Chí Minh và toàn vùng.

- Giai đoạn 2001 - 2010, phát triển bổ sung các cụm công nghiệp huyện trên địa bàn Tỉnh với tổng diện tích khoảng 620 ha. Bình quân qui mô diện tích của mỗi cụm công nghiệp là 30 ha; chủ yếu để bố trí các dự án công nghiệp nhỏ và vừa, tạo nhiều việc làm tại chỗ như: công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp sạch, công nghiệp nhẹ ít gây ô nhiễm, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

b) Ngành nông, lâm, ngư nghiệp:

- Mức tăng trưởng toàn ngành bình quân là 3,0-3,5%/năm cho cả thời kỳ 2001 - 2010.

- Về Nông nghiệp: tập trung phát triển các vùng chuyên canh nguyên liệu nông sản, thực phẩm gắn với công nghiệp chế biến; phát triển mạnh đàn gia súc, gia cầm, khai thác nguồn lợi thủy sản khu vực sông Đồng Nai, hồ Trị An gắn với công nghiệp chế biến thực phẩm phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Đến năm 2010, ổn định diện tích các cây trồng chính: lúa từ 60.000 - 62.000 ha; cà phê 20.000 ha; cao su: 42.000 - 45.000 ha; điều 30.000 ha; cây ăn trái các loại 20.000 ha. Khai thác tốt và hiệu quả 25.000 ha mặt nước (sông Đồng Nai, hồ Trị An) để nuôi trồng thủy sản các loại.

- Về Lâm nghiệp: trồng mới từ 5.000- 10.000 ha rừng. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ diện tích rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ. Nâng độ che phủ toàn Tỉnh lên 50% vào năm 2010 (trong đó: 30% diện tích rừng và 20% diện tích các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả).

- Về Phát triển nông thôn: thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, kết hợp với phát triển ngành nghề ở nông thôn, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa tạo việc làm, tăng thu nhập, tận dụng thời gian lao động nông nhàn. Huy động các nguồn vốn (kể cả vốn nước ngoài) để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ở nông thôn.

c) Thương mại, dịch vụ và du lịch:

- Gắn sản xuất với nhu cầu của thị trường trong Tỉnh, trong vùng, cả nước và thị trường quốc tế để tạo động lực phát triển kinh tế. Đa dạng hoá các ngành dịch vụ, mở rộng thị trường tiêu dùng dịch vụ, phát triển các loại hình dịch vụ mới, cao cấp và hiện đại như tiếp thị, bảo hiểm, tài chính, tín dụng, tư vấn, chuyển giao công nghệ, .v.v. gắn sản xuất với thương mại, du lịch, dịch vụ nhằm phục vụ phát triển kinh tế và đời sống nhân dân. Góp phần nâng dần tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của Tỉnh từ 25% hiện nay lên 33% vào năm 2010.

- Về Thương mại: cần có các biện pháp cụ thể tạo điều kiện cho các hoạt động thương mại diễn ra thuận lợi hơn như tổ chức các khu thương mại phục vụ các khu công nghiệp, phát triển mạng lưới thương xá ở đô thị và chợ nông thôn, các điểm dịch vụ cung ứng vật tư sản xuất, thu mua nông sản, thực phẩm. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển thương mại dịch vụ, thúc đẩy lưu thông hàng hóa. Thực hiện cổ phần hoá một số doanh nghiệp thương mại nhằm huy động các nguồn vốn và khả năng quản lý của các thành phần kinh tế khác. Xây dựng phong cách kinh doanh, hình thức thương mại hiện đại như thương mại điện tử, đáp ứng và hướng dẫn nhu cầu tiêu dùng cho dân cư .v.v. Phấn đấu đến năm 2010 tổng mức bán lẻ đạt khoảng 16.000 - 17.000 tỷ đồng, tăng bình quân 13%/năm cho cả thời kỳ.

- Thương mại quốc doanh chiếm tỷ trọng khoảng 10 - 11% tổng mức bán lẻ, chủ yếu là các mặt hàng và dịch vụ có tính chiến lược nhằm tham gia bình ổn giá cả, đảm bảo thực hiện các chương trình chung của Nhà nước và những sản phẩm do các doanh nghiệp quốc doanh buôn bán trực tiếp. Mở rộng khu vực thương mại dân doanh, đặc biệt là khu vực tập thể, nâng tỷ trọng của khu vực này lên 85 - 86% vào năm 2010. Khu vực thương mại dịch vụ có vốn đầu tư nước ngoài tăng bình quân 14%/năm, dự kiến đến năm 2010 tỷ trọng của khu vực này đạt khoảng 4,5 - 5% trong tổng mức bán lẻ.

- Giai đoạn 2001 - 2010, tập trung phát triển mạnh một số ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Tỉnh như may mặc, giày dép xuất khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ, cơ điện và điện tử, các ngành dịch vụ thu ngoại tệ tại chỗ (bưu chính viễn thông, bảo hiểm, ngân hàng, du lịch, xuất khẩu lao động .v.v.). Xây dựng và phát triển trung tâm thông tin thương mại Tỉnh, tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, lập Quỹ hỗ trợ xuất khẩu; thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp ở nước ngoài. Phấn đấu đưa kim ngạch xuất khẩu của Tỉnh đạt 7 tỷ USD vào năm 2010; trong đó giày dép xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD, sản phẩm cơ khí, điện và điện tử 1,6 tỷ USD, hàng may mặc 350 triệu USD,... Mở rộng thị phần tại các thị trường Bắc Mỹ, Tây Âu, Đông Á và một số thị trường mới khác.

- Về Du lịch: huy động vốn đầu tư từ nhiều nguồn để khai thác các tuyến, điểm du lịch theo quy hoạch được duyệt và gắn với du lịch cả vùng. Trước mắt, tập trung khai thác khu du lịch Bửu Long, du lịch trên sông Đồng Nai, du lịch miệt vườn (làng bưởi Tân Triều - huyện Vĩnh Cửu), khu Thác Mai, hồ nước nóng, đảo Ó Đồng Truong, du lịch về nguồn (chiến khu Đ, rừng Sác, vườn Quốc gia Cát Tiên)...

d) Hệ thống kết cấu hạ tầng:

- Phát triển mạnh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh, gắn kết với hệ thống kết cấu hạ tầng chung của vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam nhằm góp phần thúc đẩy sản xuất và phục vụ đời sống, tăng tốc độ và tỷ trọng của khu vực dịch vụ và kết cấu hạ tầng đối với phát triển của Tỉnh. Mục tiêu cụ thể trong một số lĩnh vực như sau: